

Số: **137** /2013/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày **25** tháng 4 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư  
xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ các luật: Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật Nhà ở ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị; số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng; số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 Quy định về quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 về cấp giấy phép xây dựng; Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Bắc Ninh tại tờ trình số 246/TTr-SXD ngày 08/4/2013,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 12/3/2010 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Xây dựng, KH&ĐT, Tư pháp (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c thành viên UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh, Toà án ND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: HCTC, KTTH, CN.XDCB, NNTN, LĐVP.

TM.UBND TỈNH  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Nhung

**QUY ĐỊNH**

**Phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, ban hành kèm theo Quyết định số 137/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh.**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Nguyên tắc phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình**

Phân định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn và các chủ đầu tư trong việc thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đảm bảo đúng pháp luật về xây dựng, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Bắc Ninh nhằm sử dụng hiệu quả vốn đầu tư xây dựng.

**Điều 2. Phạm vi áp dụng**

Quy định này áp dụng thực hiện cho các công tác: Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung dự án; thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình xây dựng; dự án khu đô thị mới; dự án phát triển nhà ở; tổ chức quản lý dự án; thẩm định, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, phê duyệt thiết kế và dự toán; cấp giấy phép xây dựng; giám sát đầu tư và quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3. Quy định viết tắt và giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, một số từ ngữ được viết tắt như sau:

Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, viết tắt là NĐ 12/CP;

Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, viết tắt là NĐ 83/CP;

Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, viết tắt là NĐ 112/CP;

Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát đánh giá đầu tư, viết tắt là NĐ 113/CP;

Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng, viết tắt là NĐ 64/CP;

Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị, viết tắt là NĐ 11/CP;

Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, viết tắt là NĐ 15/CP;

Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng, viết tắt là QĐ 80/TTg;

Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/QĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, viết tắt là TT 03/BXD;

Thông tư số 23/2009/TT-BXD ngày 16/7/2009 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thi tuyển và tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng, viết tắt là TT 23/BXD;

Báo cáo kinh tế kỹ thuật viết tắt là báo cáo KT-KT;

Thiết kế bản vẽ thi công viết tắt là thiết kế BVTC;

Thiết kế cơ sở viết tắt là TKCS;

Quy hoạch xây dựng viết tắt là QHXD;

Quy hoạch xây dựng chung viết tắt là QHC;

Quy hoạch xây dựng chi tiết viết tắt là QHCT;

Quản lý dự án viết tắt là QLDA;

Giấy phép xây dựng viết tắt là GPXD;

Dự án đầu tư xây dựng công trình và báo cáo Kinh tế kỹ thuật gọi chung là dự án, trường hợp cần phân biệt rõ thì gọi tách riêng là dự án và báo cáo Kinh tế kỹ thuật;

Dự án đầu tư xây dựng công trình viết tắt là dự án ĐTXDCT;

Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND;

UBND huyện, thị xã, thành phố gọi chung là UBND cấp huyện; UBND xã, phường, thị trấn gọi chung là UBND cấp xã; Phòng Công thương, Phòng Quản lý đô thị gọi chung là Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện và viết tắt là Phòng QLXD cấp huyện; Phòng Nông nghiệp PTNT, phòng Kinh tế gọi chung là phòng quản lý chuyên ngành cấp huyện và viết tắt là Phòng QLCN cấp huyện;

Vốn nhà nước bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

## **Chương II**

### **CHUẨN BỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

#### **Điều 4. Thẩm quyền quyết định chủ đầu tư**

Trước khi dự án được lập, người quyết định đầu tư quyết định chủ đầu tư theo hướng dẫn tại Điều 1, TT 03/BXD.

#### **Điều 5. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình**

##### **1. Tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình**

Khi đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư phải tổ chức lập dự án, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Riêng các dự án quan trọng quốc gia thì

chủ đầu tư phải lập báo cáo đầu tư trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

Nếu chủ đầu tư không đủ năng lực phải thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực để lập dự án.

2. Các công trình không phải lập dự án mà chỉ lập báo cáo KT-KT thực hiện theo khoản 1, Điều 13, NĐ 12/CP.

### **Điều 6. Thẩm định dự án**

1. Dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Thẩm quyền thẩm định dự án

- Dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổ chức thẩm định dự án. Khi thẩm định dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và tổng mức vốn của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh (kể cả vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho cấp dưới).

- Dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện là đầu mối tổ chức thẩm định dự án. Khi thẩm định dự án Phòng Tài chính Kế hoạch phải xin ý kiến bằng văn bản của các sở về TKCS hoặc của Phòng QLXD, Phòng QLCN cấp huyện về thiết kế BVTC (đối với Báo cáo KT-KT), và của Sở Kế hoạch và Đầu tư như điểm b, khoản 2, Điều 7 của Quy định này.

- Dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức thẩm định dự án, khi thẩm định dự án phải có ý kiến tham gia bằng văn bản của Phòng Tài chính-Kế hoạch, của các sở về TKCS hoặc của Phòng QLXD, Phòng QLCN cấp huyện về thiết kế BVTC (đối với Báo cáo KT-KT).

Thời gian thẩm định dự án không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C và Báo cáo KT-KT, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình thẩm định (không kể thời gian tham gia ý kiến về TKCS, thiết kế BVTC).

b) Căn cứ thẩm định dự án

- Hồ sơ trình thẩm định dự án theo quy định tại điều 9, NĐ 12/CP;
- Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Văn bản thẩm định nguồn vốn;
- Tổng hợp các nội dung thẩm định; ý kiến tham gia về thiết kế cơ sở và ý kiến của các cơ quan khác có liên quan đến dự án.

c) Thẩm quyền tham gia ý kiến về TKCS, thiết kế BVTC

- Dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A: Cơ quan đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án tới Bộ có thẩm quyền tham gia ý kiến về TKCS theo quy định tại khoản 3, Điều 2 của TT 03/BXD để tham gia ý kiến về

TKCS, đồng thời gửi đến Sở Xây dựng để chấp thuận về QHXD (đối với nơi chưa có QHCT được duyệt). Riêng đối với dự án công trình dân dụng dưới 20 tầng thì Sở Xây dựng tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở.

- Dự án nhóm B, C: Cơ quan đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án tới các sở, ban, ngành dưới đây để tham gia ý kiến về TKCS; đồng thời gửi tới Sở Xây dựng để xem xét về sự phù hợp với QHXD (trong trường hợp chưa có QHCT được duyệt):

+ Sở Xây dựng với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế (công trình giao thông, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, công viên, cây xanh, xử lý rác thải, nghĩa trang, bãi đỗ xe); các công trình xây dựng thuộc dự án thông tin liên lạc, điện tử, tin học trừ các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ; và các công trình khác do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu;

+ Sở Giao thông Vận tải với các công trình giao thông (trừ giao thông trong đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu kinh tế);

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn và vệ sinh môi trường nông thôn;

+ Sở Công thương với các công trình công nghiệp (trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình trong khu công nghiệp tập trung); công trình điện (trừ công trình chiếu sáng đô thị);

+ Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các công trình trong khu công nghiệp tập trung (trừ công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng).

+ Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì cơ quan đầu mối thẩm định dự án phải gửi hồ sơ dự án đến các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để lấy ý kiến tham gia về TKCS. Riêng công trình xây dựng thuộc dự án thông tin liên lạc, điện tử, tin học, cơ quan đầu mối thẩm định dự án đồng thời xin ý kiến tham gia của Sở Thông tin và Truyền thông về phần công nghệ thông tin.

+ Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

- Dự án nhóm B, C do các bộ, ngành, doanh nghiệp nhà nước quyết định đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, cơ quan đầu mối thẩm định dự án thuộc bộ, ngành, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đến các sở, ban, ngành được phân công tham gia ý kiến về TKCS; đồng thời gửi đến Sở Xây dựng để xem xét sự phù hợp về quy hoạch xây dựng (đối với nơi chưa có QHCT được

duyet). Riêng đối với trường hợp dự án do các Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Giao thông vận tải; Tập đoàn Điện lực Việt Nam quyết định đầu tư dự án thuộc chuyên ngành được nhà nước giao quản lý thì được tự xem xét TKCS và phải lấy ý kiến chấp thuận về QHXD của Sở Xây dựng (đối với nơi chưa có QHCT được duyệt).

- Báo cáo KT-KT: Cơ quan nhà nước quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này có trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế BVTC, dự toán. Riêng đối với các báo cáo KT-KT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã thì cơ quan thẩm định dự án phải xin ý kiến tham gia về thiết kế BVTC của Phòng QLCN cấp huyện (đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn), Phòng QLXD cấp huyện (đối với các công trình còn lại).

Thời gian tham gia ý kiến về TKCS, thiết kế BVTC không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C và Báo cáo KT-KT kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình thẩm định. Đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A thuộc thẩm quyền tham gia ý kiến TKCS của các Bộ có thẩm quyền thì thời gian theo quy định của Bộ có thẩm quyền.

## 2. Dự án sử dụng nguồn vốn khác

Người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định dự án theo quy định.

Khi thẩm định dự án, người quyết định đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các sở, ban, ngành được phân công để lấy ý kiến tham gia về TKCS hoặc thiết kế BVTC, quy định tại điểm c, khoản 1, Điều này.

## **Điều 7. Phê duyệt dự án**

### 1. Trách nhiệm của người phê duyệt dự án

Các cấp, cơ quan có thẩm quyền chỉ được phê duyệt dự án khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án, nhưng không quá 3 năm đối với dự án nhóm C, không quá 5 năm đối với dự án nhóm B.

Dự án được phê duyệt phải có kế hoạch, tiến độ thực hiện cả dự án, tiểu dự án, các hạng mục công trình trong dự án.

Những dự án được quyết định đầu tư mà không xác định rõ nguồn vốn, mức vốn thuộc ngân sách nhà nước; vốn trái phiếu Chính phủ, làm cho dự án thi công kéo dài, gây lãng phí thì người quyết định đầu tư phải chịu trách nhiệm về những tổn thất gây ra.

### 2. Dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

#### a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt

- Dự án nhóm A, B, C thuộc ngân sách cấp tỉnh sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp; dự án nhóm A thuộc ngân sách cấp huyện hoặc cấp xã, sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc cấp xã.

- Dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã trong đó có sử dụng một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

- Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt dự án có tổng mức đầu tư đến dưới 15 tỷ đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt

- Dự án nhóm B, C thuộc ngân sách cấp huyện sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp huyện, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

- Dự án có tổng mức đầu tư từ 03 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

- Dự án nhóm B, C có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên thuộc ngân sách cấp xã không có hỗ trợ từ ngân sách cấp trên sau khi UBND cấp xã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Tất cả các dự án có tổng mức đầu tư trên 10 tỷ đồng do Chủ tịch UBND huyện phê duyệt phải có ý kiến bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư về sự phù hợp chủ trương đầu tư, sự phù hợp quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nguồn vốn và các nội dung khác nếu có.

c) Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt

- Dự án nhóm C có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp. Trước khi phê duyệt những dự án có tổng mức đầu tư từ 10 tỷ đồng trở lên, phải có ý kiến bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư về sự phù hợp chủ trương đầu tư, sự phù hợp quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nguồn vốn và các nội dung khác nếu có.

- Dự án có tổng mức đầu tư dưới 03 tỷ đồng thuộc ngân sách cấp xã, trong đó có một phần hỗ trợ từ ngân sách cấp trên.

3. Dự án sử dụng các nguồn vốn khác

a) Người quyết định đầu tư phê duyệt dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau, các bên góp vốn tự thỏa thuận cử ra người đại diện phê duyệt dự án.

### **Điều 8. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình**

Thực hiện theo khoản 3, Điều 14, NĐ 12/CP; khoản 3, Điều 1, NĐ 83/CP và Điều 7, NĐ 112/CP.

1. Dự án có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên

a) Khi điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh dự án, sau đó phải báo cáo người quyết định đầu tư bằng văn bản, đồng thời gửi cơ quan đầu mối thẩm định dự án.

b) Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu đầu tư nhưng không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Trường hợp người quyết định đầu tư đồng ý điều chỉnh thì có thể giao cho chủ đầu tư phê duyệt điều chỉnh.

c) Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu, vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

d) Trường hợp do thay đổi dự toán, giá gói thầu và các chi phí khác dẫn đến vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư phê duyệt, điều chỉnh bổ sung tổng mức đầu tư.

đ) Chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh cơ cấu các khoản mục trong tổng mức đầu tư được phê duyệt, kể cả sử dụng chi phí dự phòng (nếu không vượt tổng mức đầu tư), sau đó phải báo cáo người quyết định đầu tư bằng văn bản, đồng thời gửi cơ quan đầu mối thẩm định dự án.

Những nội dung thay đổi phải được thẩm định lại. Cơ quan nào tổ chức thẩm định dự án thì cơ quan đó tổ chức thẩm định điều chỉnh, bổ sung dự án. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án thực hiện theo Điều 5, Điều 6, Điều 7 quy định này. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định điều chỉnh dự án trong các trường hợp quy định tại điểm a, đ, khoản 1 Điều này.

## 2. Dự án sử dụng nguồn vốn khác

Người quyết định đầu tư tự điều chỉnh, bổ sung dự án và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nếu dự án điều chỉnh, bổ sung làm thay đổi thiết kế cơ sở, thiết kế BVTC (đối với báo cáo KT-KT) thì cơ quan đầu mối thẩm định điều chỉnh dự án phải xin ý kiến về thiết kế cơ sở hoặc thiết kế BVTC trước khi phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

## **Điều 9. Thi tuyển và tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng**

1. Các công trình phải thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc

Tại các đô thị huyện lỵ, tỉnh lỵ và các khu chức năng ngoài đô thị đã có QHXD, các công trình sau đây (không phân biệt nguồn vốn và hình thức sở hữu), trước khi lập dự án chủ đầu tư phải tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc tối ưu đáp ứng yêu cầu mỹ quan, không gian cảnh quan đô thị:

a) Công trình công cộng có quy mô cấp I, cấp đặc biệt;

b) Công trình công cộng: Nhà văn hoá, thể thao; trung tâm phát thanh truyền hình; bệnh viện; trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề; trung tâm thương mại, chợ đầu mối, siêu thị; cầu; nhà ga; công viên; nhà chung



cur; khách sạn; tượng đài; công trình biểu tượng về truyền thống văn hoá, lịch sử của địa phương;

c) Trụ sở UBND và trụ sở cơ quan đảng cấp huyện, cấp tỉnh; trụ sở các sở, ban, ngành cấp tỉnh;

d) Công trình từ 9 tầng trở lên;

đ) Công trình được xây dựng tại những vị trí có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan kiến trúc đô thị như: Tại các ngã giao nhau giữa các trục đường chính đô thị (có 01 đường mặt cắt ngang từ 22,5 m trở lên); liền kề với công trình nêu tại các điểm a, b, c, d khoản 1, điều này; công trình giao thông đô thị có yêu cầu thẩm mỹ cao.

## 2. Hình thức áp dụng

a) Áp dụng hình thức thi tuyển thiết kế kiến trúc đối với các công trình nêu tại điểm a, khoản 1 điều này;

b) Áp dụng hình thức thi tuyển hoặc tuyển chọn kiến trúc đối với các công trình nêu tại điểm b, khoản 1 điều này có quy mô cấp II (riêng công trình tượng đài và công trình biểu tượng về truyền thống văn hoá, lịch sử của địa phương không phân biệt cấp).

c) Áp dụng hình thức tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc đối với:

- Các công trình nêu tại điểm b, khoản 1 điều này có quy mô cấp III;

- Các công trình nêu tại điểm c, d, đ khoản 1 điều này.

d) Không bắt buộc áp dụng đối với công trình có quy mô cấp IV.

e) Khuyến khích việc thi tuyển thiết kế kiến trúc hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng.

## 3. Thẩm quyền quyết định tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc

Người quyết định đầu tư quyết định tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc; phê duyệt kế hoạch tổ chức thi tuyển và kinh phí thi tuyển.

## 4. Trách nhiệm tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc

Chủ đầu tư tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2009/TT-BXD ngày 16/7/2009 của Bộ Xây dựng.

5. Thẩm quyền phê duyệt kết quả thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc theo hướng dẫn tại Thông tư số 23/2009/TT-BXD ngày 16/7/2009 của Bộ Xây dựng.

## **Điều 10. Dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở**

1. Dự án khu đô thị mới thực hiện theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

2. Dự án phát triển nhà ở thực hiện theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở và Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP.

### **Chương III**

## **THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

### **Điều 11. Thẩm quyền quyết định hình thức quản lý dự án**

1. Người quyết định đầu tư quyết định hình thức QLDA theo quy định tại khoản 2, điều 45, Luật Xây dựng.

2. Riêng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình theo chương trình xây dựng nông thôn mới và dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư thì giao cho Ban quản lý dự án xây dựng cấp huyện là đơn vị quản lý dự án. Đơn vị quản lý dự án trong trường hợp này thực hiện các nhiệm vụ do chủ đầu tư giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về thực hiện nhiệm vụ được giao.

### **Điều 12. Trách nhiệm của chủ đầu tư về tổ chức quản lý dự án**

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện về những công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, kể cả những công việc đã giao cho Ban QLDA hoặc nhà thầu tư vấn QLDA.

#### **a) Trường hợp áp dụng hình thức chủ đầu tư trực tiếp QLDA**

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 11, TT 03/BXD.

Giám đốc Ban QLDA do chủ đầu tư thành lập phải có chuyên ngành phù hợp với dự án và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm công tác chuyên môn về chuyên ngành đó.

b) Trường hợp áp dụng hình thức tư vấn QLDA thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 12, TT 03/BXD.

### **Điều 13. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và tổng dự toán**

#### **1. Đối với công trình phải lập dự án ĐTXDCT**

Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế BVTC, dự toán, tổng dự toán.

#### **2. Đối với công trình lập báo cáo KT-KT**

Người quyết định đầu tư phê duyệt báo cáo KT-KT (bao gồm thiết kế BVTC, tổng mức đầu tư, dự toán).

Chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt thiết kế trên cơ sở kết quả thẩm tra thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 14 của Quy định này. Các trường hợp khác ngoài thẩm quyền thẩm tra của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt.

Trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực thẩm định thì thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán công trình làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt.

3. Đối với các công trình thuộc dự án đầu tư theo hình thức BT, dự án khác đề thu hồi vốn của nhà đầu tư thực hiện dự án BT

Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình; trước khi phê duyệt, nhà đầu tư có trách nhiệm trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 6 và Điều 14 của Quy định này.

#### **Điều 14. Thẩm quyền thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công công trình xây dựng**

1. Sở Xây dựng và các sở quản lý xây dựng chuyên ngành thẩm tra thiết kế BVTC đối với các công trình trừ các công trình cấp I, cấp đặc biệt và các công trình thuộc dự án do Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình chuyên ngành quyết định đầu tư:

a) Sở Xây dựng thẩm tra thiết kế BVTC đối với các công trình:

- Nhà ở chung cư từ cấp III trở lên, nhà ở riêng lẻ từ 07 tầng trở lên;
- Công trình công cộng từ cấp III trở lên;

- Công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Từ cấp III trở lên đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và từ cấp II trở lên đối với công trình sử dụng vốn khác; riêng các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp; các công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu nhà ở có diện tích từ 5,0 ha trở lên.

b) Sở Giao thông vận tải thẩm tra thiết kế BVTC đối với công trình giao thông: Cầu, hầm, đường bộ từ cấp III trở lên đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và từ cấp II trở lên đối với công trình sử dụng vốn khác; công trình đường sắt, bến, ụ nâng tàu, cảng bến đường thủy, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp.

c) Sở Công thương thẩm tra thiết kế BVTC công trình công nghiệp: Đường dây tải điện, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin, nhà máy xi măng từ cấp III trở lên; đối với các công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp không phân biệt cấp.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra thiết kế BVTC công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: Hồ chứa nước, đập ngăn nước, đập tràn xả lũ, cống lấy nước, cống xả nước, kênh, mương, đường ống dẫn nước,

đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác không phân biệt cấp.

2. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng nêu tại khoản 1 điều này không đủ điều kiện năng lực để thẩm tra thiết kế thì cơ quan này được thuê hoặc chỉ định tổ chức tư vấn, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thực hiện thẩm tra thiết kế.

Nội dung thẩm tra thiết kế BVTC theo quy định tại khoản 4, Điều 21, NĐ 15/CP.

Thời gian thẩm tra thiết kế BVTC của cơ quan nhà nước không quá 40 ngày làm việc đối với công trình cấp I trở lên và không quá 30 ngày làm việc đối với các công trình còn lại kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

### **Điều 15 Quy định về khởi công xây dựng công trình**

1. Công trình xây dựng chỉ được khởi công khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 72, Luật Xây dựng.

2. Trước khi khởi công xây dựng công trình, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Thông báo khởi công xây dựng công trình cho UBND cấp xã nơi xây dựng công trình, phòng quản lý xây dựng cấp huyện và cơ quan cấp giấy phép xây dựng công trình để các cơ quan này thực hiện kiểm tra trật tự xây dựng và tổ chức giám sát cộng đồng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 16. Cấp Giấy phép xây dựng**

1. Thẩm quyền cấp GPXD

a) UBND tỉnh uỷ quyền:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng từ cấp II trở lên; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá; công trình tượng đài, tranh hoành tráng trên phạm vi toàn tỉnh; những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở ngoài khu công nghiệp tập trung (trừ các công trình thuộc điểm b và c của Điều này và các trường hợp được miễn cấp GPXD theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính Phủ);

- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh cấp GPXD công trình trong khu công nghiệp tập trung. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trước khi cấp GPXD phải lấy ý kiến tham gia của Sở Xây dựng.

b) UBND cấp huyện cấp GPXD đối với:

- Công trình trong các khu, cụm công nghiệp vừa và nhỏ đã có QHCT được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Công trình xây dựng cấp III, cấp IV nằm trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các công trình thuộc điểm a, khoản 1 Điều này);

- Công trình nhà ở riêng lẻ thuộc đô thị.

Giao Phòng quản lý xây dựng cấp huyện là đầu mối thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy phép xây dựng.

Đối với công trình dân dụng và nhà ở riêng lẻ theo các trục đường phố chính đô thị có mặt cắt ngang lớn hơn 22,5m, giáp các trục đường Quốc lộ, Đường tỉnh, liền kề các khu bảo tồn di tích lịch sử - văn hoá, khu du lịch ở những nơi chưa có quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị; nhà ở riêng lẻ có chiều cao trên 5 tầng, trước khi UBND cấp huyện cấp GPXD phải được sự thoả thuận của Sở Xây dựng bằng văn bản. Thời hạn ra văn bản thoả thuận chậm nhất là 10 ngày làm việc đối với công trình, 07 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) UBND xã cấp GPXD nhà ở riêng lẻ tại các điểm dân cư nông thôn đã có QHXD (quy hoạch xây dựng nông thôn mới) được phê duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý;

Đối với nhà ở riêng lẻ tại các xã nằm trong quy hoạch định hướng phát triển đô thị; những xã nằm ở giáp ranh thành phố, thị xã, liền kề các khu bảo tồn di tích lịch sử - văn hoá, khu du lịch; nhà ở riêng lẻ có chiều cao trên 5 tầng thì trước khi cấp phép xây dựng, Chủ tịch UBND xã phải lấy ý kiến tham gia của phòng QLXD cấp huyện bằng văn bản, thời hạn ra văn bản thoả thuận chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Cơ quan nào cấp giấy phép xây dựng thì cơ quan đó có quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp.

e) UBND tỉnh quyết định thu hồi giấy phép xây dựng do cấp dưới cấp không đúng quy định.

## 2. Giấy phép xây dựng tạm

a) Việc cấp GPXD tạm chỉ áp dụng đối với những nơi đã có QHCTXD được duyệt, công bố, nhưng chưa thực hiện và phải phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư tại thời điểm xin cấp GPXD;

Giấy phép xây dựng tạm chỉ cấp cho từng công trình, nhà ở riêng lẻ, không cấp theo giai đoạn và cho dự án.

Công trình được cấp GPXD tạm là công trình kết cấu đơn giản, tối đa 02 tầng, có diện tích xây dựng dưới 500 m<sup>2</sup> (đối với công trình), dưới 80 m<sup>2</sup> (đối với nhà ở riêng lẻ).

b) Thẩm quyền cấp GPXD tạm thực hiện như quy định tại khoản 1 điều này.

3. Điều chỉnh GPXD; cấp lại GPXD; gia hạn GPXD; cấp GPXD di dời công trình: Thực hiện theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13 Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ.

## 4. Thời gian cấp GPXD

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép xây dựng phải xem xét hồ sơ để cấp giấy phép trong thời gian quy định dưới đây:

- Đối với trường hợp cấp GPXD mới, bao gồm cả GPXD tạm, GPXD điều chỉnh, giấy phép di dời thời gian không quá 20 ngày làm việc đối với công trình,

15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ đô thị, 10 ngày làm việc đối với nhà ở nông thôn;

- Đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn GPXD thời gian không quá 10 ngày làm việc.

### **Điều 17. Giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình**

1. Dự án sử dụng vốn nhà nước trên 50% tổng mức đầu tư thì phải được giám sát, đánh giá đầu tư. Đối với dự án khác, việc giám sát, đánh giá đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối giúp UBND tỉnh giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, kiểm tra công tác giám sát, đánh giá đầu tư và trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt dự án. Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy chế được ban hành kèm theo QĐ 80/TTg.

## **Chương IV**

### **KẾT THÚC ĐẦU TƯ**

#### **Điều 18. Trách nhiệm quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình**

##### **1. Lập quyết toán**

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình ngay sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, theo quy định tại Điều 30, NĐ 112/CP.

##### **2. Thẩm tra quyết toán**

a) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Sở Tài chính là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán các dự án thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

b) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm tra quyết toán.

##### **3. Phê duyệt quyết toán**

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư đồng thời là người phê duyệt quyết toán. Đối với các dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt thì Giám đốc Sở Tài chính là người phê duyệt quyết toán.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung thẩm định dự án đầu tư; Sở Xây dựng hướng dẫn nội dung cấp giấy phép xây dựng, tham gia ý kiến thiết kế cơ sở, thẩm tra thiết kế BVTC; Sở Tài chính hướng dẫn nội dung quyết toán vốn đầu tư.

2. Thực hiện chuyên tiếp việc quản lý dự án

Trước ngày Quy định này có hiệu lực, các dự án đã được thẩm định nhưng chưa phê duyệt; các dự án đã phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì các thủ tục đã được thẩm định, phê duyệt không phải thẩm định, phê duyệt lại. Các bước tiếp theo thực hiện theo Quy định này. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

3. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh trực tiếp với Sở Xây dựng để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./ *MH*

**TM. UBND TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Nường